|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO NAM ĐỊNH**  **ĐỀ CHÍNH THỨC**  *(Đề thi có 04 trang)*  *(40 câu trắc nghiệm)* | **ĐỀ THI THỬ TN THPT 2024 LẦN 1**  **NĂM HỌC 2023-2024**  **Môn: HOÁ HỌC**  *Thời gian: 50 phút (không tính thời gian phát đề)* | |
|  | | **Mã đề….** |

**Cho nguyên tử khối:** H = 1; C = 12; N = 14; O = 16; Na = 23; Mg = 24; Al = 27; P = 31; S = 32; Cl = 35,5; Br = 80; K = 39; Ca = 40; Fe = 56; Cu = 64; Zn = 65; Ag = 108; I = 127; Ba = 137.

**Câu 41:** Công thức hóa học glyxin là :

**A**.CH3-CH(NH2)COOH. **B**.H2N-(CH2)4CH(NH2)COOH.

**C**.HOOC-(CH2)2CH(NH2)COOH. **D**.H2N-CH2-COOH.

**Câu 42:** Polime được điều chế từ phản ứng trùng hợp là :

**A**.polietilen. **B**.tơ lapsan. **C**.tơ nilon-6,6. **D**.tơ visco.

**Câu 43:** Polime nào sau đây có cùng thành phần nguyên tố với nilon-6,6?

**A**.Cao su buna. **B**.Tơ lapsan. **C**.Tơ capron. **D**.Thủy tinh hữu cơ.

**Câu 44:** Triolein có công thức là :

**A**.(C17H31COO)3C3H5. **B**.(C15H31COO)3C3H5.

**C**.(C17H33COO)3C3H5. **D**.(C17H35COO)3C3H5.

**Câu 45:** Chất nào sau đây thuộc loại hợp chất hữu cơ tạp chức?

**A**.Triolein. **B**.Glyxin. **C**.Đimetylamin. **D**.Axit ađipic.

**Câu 46:** Số nguyên tử cacbon trong phân tử glucozơ là :

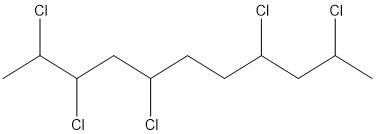
**A**.6. **B**.11. **C**.12. **D**.5.

**Câu 47:** Công thức tổng quát của este no, đơn chức, mạch hở là :

**A**.CnH2n-2O2 (n ≥ 3). **B**.CnH2nO2 (n ≥ 2).

**C**.CnH2n-2O4 (n ≥ 3). **D**.CnH2nO4 (n ≥ 2).

**Câu 48:** Một đoạn mạch của polime X có cấu tạo như sau:



Công thức của monome dùng để tổng hợp polime X là :

**A**.CH2=CH-Cl. **B**.Cl-CH2-CH=CH-Cl.

**C**.CH2=CH-CH2-Cl. **D**.Cl-CH=CH-Cl.

**Câu 49:** Ở điều kiện thường, chất nào sau đây tan tốt trong nước?

**A**.Anilin. **B**.Tristearin. **C**.Glucozơ. **D**.Phenol.

**Câu 50:** Kim loại nào sau đây không tan trong dung dịch HNO3 đặc, nguội?

**A**.Mg. **B**.Ag. **C**.Fe. **D**.Cu.

**Câu 51:** Dung dịch nước của chất nào dưới đây có thể làm quỳ tím hóa xanh?

**A**.C2H5NH2. **B**.C2H5OH. **C**.H2N-CH2-COOH. **D**.CH3COOH.

**Câu 52:** Chất nào dưới đây tạo kết tủa trắng khi phản ứng với dung dịch nước brom?

**A**.Glyxin. **B**.Anilin. **C**.Vinyl axetat. **D**.Metylamin.

**Câu 53:** Chất nào sau đây thuộc loại amin bậc một?

**A**.CH3NH2. **B**.(CH3)3N. **C**.CH3NHCH3. **D**.CH3CH2NHCH3.

**Câu 54:** Thủy phân este nào sau đây trong môi trường axit thu được axit cacboxylic và ancol có cùng số nguyên tử hiđro?

**A**.CH3COOCH3. **B**.CH2=CHCOOC2H5.

**C**.HCOOCH3. **D**.CH3COOC2H5.

**Câu 55:** Lông cừu được sử dụng làm len may áo ấm. Lông cừu chứa loại polime nào sau đây?

**A**.Polime trùng ngưng. **B**.Polime thiên nhiên.

**C**.Polime trùng hợp. **D**.Polime bán tổng hợp.

**Câu 56:** Cho mảnh kim loại X vào dung dịch H2SO4 loãng có khí H2 thoát ra. Kim loại X là :

**A**.Ag. **B**.Cu. **C**.Al. **D**.Au.

**Câu 57:** Số nhóm -COOH có trong tetrapeptit Ala-Glu-Gly-Val ở dạng phân tử là :

**A**.2. **B**.4. **C**.3. **D**.5.

**Câu 58:** Kim loại nào sau đây dẫn điện tốt nhất?

**A**.Cu. **B**.Ag. **C**.Al. **D**.Fe.

**Câu 59:** Ở điều kiện thường, X là chất rắn, dạng sợi, màu trắng. Phân tử X có cấu trúc mạch không phân nhánh, không xoắn. Thủy phân X trong môi trường axit thu được glucozơ. Tên gọi của X là :

**A**.amilopectin. **B**.fructozơ. **C**.xenlulozơ. **D**.saccarozơ.

**Câu 60:** Etyl axetat có công thức là :

**A**.HCOOC2H5. **B**.CH3COOCH3. **C**.CH3COOC2H5. **D**.HCOOCH3.

**Câu 61:** Xenlulozơ trinitrat được điều chế từ phản ứng giữa axit nitric với xenlulozơ (hiệu suất phản ứng 60% tính theo xenlulozơ). Nếu dùng 2 tấn xenlulozơ thì khối lượng xenlulozơ trinitrat điều chế được là

**A**.3,67 tấn. **B**.2,97 tấn. **C**.2,20 tấn. **D**.1,10 tấn.

**Câu 62:** Cho dãy các chất sau: (1) etyl axetat; (2) glucozơ, (3) tinh bột; (4) Gly-Ala. Số chất trong dãy thủy phân được trong dung dịch NaOH là

**A**.2. **B**.1. **C**.4. **D**.3.

**Câu 63:** Cho sơ đồ chuyển hóa:

(1) C6H12O6 (glucozơ) (enzim) → 2C2H5OH + 2CO2 hiệu suất = 90%

(2) CH3CH2OH + O2 (enzim) → CH3COOH + H2O hiệu suất = 80%

(3) 2CH3COOH + C2H4(OH)2 (H2SO4 đặc, t°) → X + 2H2O hiệu suất = 80%

Từ ban đầu 1 kg glucozơ và các chất O2, C2H4(OH)2 lấy dư so với lượng phản ứng, khối lượng X thu được là

**A**.458,6 gam. **B**.634,2 gam. **C**.934,4 gam. **D**.467,2 gam.

**Câu 64:** Nhúng thanh Fe có khối lượng 112 gam vào dung dịch CuSO4. Sau khi phản ứng kết thúc lấy thanh kim loại ra, làm khô và cân lại được 113,28 gam. Giả sử toàn bộ Cu sinh ra bám vào thanh Fe. Khối lượng Cu đã bám vào thanh Fe là

**A**.8,96 gam. **B**.10,24 gam. **C**.1,28 gam. **D**.11,52 gam.

**Câu 65:** Cho dãy các chất sau: (1) CH3COONH3CH3; (2) H2NCH2CONHCH2COOH; (3) ClH3NCH2COOCH3; (4) (CH3NH3)2SO4. Số chất trong dãy tác dụng được với NaOH trong dung dịch theo tỉ lệ mol 1 : 2 là

**A**.2. **B**.4. **C**.1. **D**.3.

**Câu 66:** Cho 25,3 gam hỗn hợp glyxin và alanin tác dụng vừa đủ 150 ml dung dịch HCl 2M thu được dung dịch chứa m gam muối. Giá trị m là

**A**.26,7. **B**.36,25. **C**.30,77. **D**.22,5.

**Câu 67:** Este X mạch hở có công thức phân tử C5H8O2. X không có phản ứng tráng bạc. Thủy phân hoàn toàn X trong dung dịch NaOH đun nóng, thu được muối cacboxylat và ancol no. Số công thức cấu tạo của X là

**A**.3. **B**.5. **C**.4. **D**.2.

**Câu 68:** Thủy phân pentapeptit X công thức cấu tạo Ala-Gly-Val-Ala-Gly có thể thu được tối đa bao nhiêu đipeptit mạch hở?

**A**.3. **B**.4. **C**.5. **D**.2.

**Câu 69:** Thủy phân hoàn toàn hỗn hợp X gồm etyl axetat và propyl axetat cần dùng vừa đủ V ml dung dịch NaOH 1M đun nóng, sau phản ứng thu được 20,5 gam muối. Giá trị của V là

**A**.250. **B**.240. **C**.280. **D**.220.

**Câu 70:** Cho các vật liệu polime sau: tơ tằm, polietilen, cao su buna, nilon-6, poli(metyl metacrylat), tơ visco. Số polime tổng hợp là

**A**.4. **B**.3. **C**.2. **D**.5.

**Câu 71:** Cho hỗn hợp kim loại gồm Al và Fe vào dung dịch chứa Cu(NO3)2 và AgNO3 thu được dung dịch X chứa 3 muối và hỗn hợp Y gồm 2 kim loại. Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn. Các muối trong X là

**A**.AgNO3, Fe(NO3)3, Cu(NO3)2. **B**.Al(NO3)3, Fe(NO3)3, Cu(NO3)2.

**C**.Al(NO3)3, Fe(NO3)2, Cu(NO3)2. **D**.Al(NO3)3, AgNO3, Cu(NO3)2.

**Câu 72:** Cho các thí nghiệm sau:

(a) Nhỏ nước brom vào dung dịch fructozơ.

(b) Cho saccarozơ vào dung dịch HCl và đun nóng.

(c) Đun nóng dung dịch chứa đồng thời glucozơ với AgNO3 và NH3 dư.

(d) Cho đường nho (thành phần chính là glucozơ) vào dung dịch H2SO4 đặc, dư.

Số thí nghiệm có xảy ra phản ứng hóa học là

**A**.1. **B**.3. **C**.2. **D**.4.

**Câu 73:** Kết quả thí nghiệm của các chất X, Y, Z với các thuốc thử được ghi ở bảng sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Chất** | **Thuốc thử** | **Hiện tượng** |
| X | Quỳ tím | Quỳ tím chuyển màu hồng |
| Y | Dung dịch AgNO3 trong NH3 | Tạo kết tủa Ag |
| Z | Nước brom | Tạo kết tủa trắng |

Các chất X, Y, Z lần lượt là:

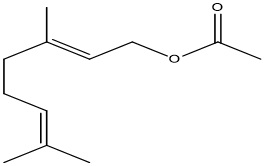
**A**.Anilin, etyl fomat, axit glutamic. **B**.Axit glutamic, anilin, etyl fomat.

**C**.Axit glutamic, etyl fomat, anilin. **D**.Etyl fomat, axit glutamic, anilin.

**Câu 74:** Thực hiện phản ứng este hóa giữa glixerol với hỗn hợp hai axit cacboxylic đơn chức có cùng số nguyên tử hiđro (xúc tác H2SO4 đặc) thu được hỗn hợp sản phẩm hữu cơ trong đó có trieste X mạch hở. Trong phân tử X, số nguyên tử cacbon nhiều hơn số nguyên tử oxi là 2. Thủy phân hoàn toàn 10 gam X trong dung dịch NaOH dư, đun nóng, sau phản ứng hoàn toàn thu được muối có khối lượng là

**A**.12,8 gam. **B**.11,4 gam. **C**.13,4 gam. **D**.10,6 gam.

**Câu 75:** Genaryl axetat là este có trong hoa hồng và có công thức cấu tạo khung như sau:



Phát biểu nào sau đây không đúng?

**A**.Thủy phân hoàn toàn genaryl axetat trong dung dịch NaOH thu được muối và ancol.

**B**.Genaryl có thể cộng hợp Br2 trong CCl4 theo tỉ lệ mol 1 : 2.

**C**.Liên kết C=C của genaryl gần chức este nhất có cấu trúc dạng cis-.

**D**.Công thức phân tử của genaryl axetat là C12H20O2.

**Câu 76:** Amino axit X có phần trăm khối lượng các nguyên tố C, H, N lần lượt bằng 40,816%, 6,122%, 9,524%, còn lại là oxi. X có công thức phân tử trùng với công thức đơn giản nhất. Thực hiện phản ứng este hóa giữa X với ancol Y đơn chức trong HCl khan, thu được sản phẩm hữu cơ Z (chỉ chứa nhóm chức -NH3Cl và chức este). Thành phần % theo khối lượng của oxi trong Z là 23,925%. Công thức của Y là

**A**.CH3OH. **B**.C3H5OH. **C**.C3H7OH. **D**.C2H5OH.

**Câu 77:** Este X hai chức mạch hở có công thức phân tử C4H6O4. Từ X thực hiện các phản ứng theo sơ đồ sau:

(1) X + NaOH (t°) → Y + Z

(2) Y + HCl (t°) → T + NaCl

(3) Z + Cu(OH)2 → E + H2O

Phát biểu nào sau đây không đúng?

**A**.Chất Y có phản ứng tráng bạc. **B**.Nhiệt độ sôi của T cao hơn etanol.

**C**.Chất X có chứa 2 nhóm -CH3. **D**.Chất Z là ancol hai chức.

**Câu 78:** Cho các phát biểu sau:

(a) Thủy tinh hữu cơ (plexiglas) được ứng dụng làm cửa kính ô tô.

(b) Quá trình làm rượu vang từ quả nho xảy ra phản ứng lên men rượu của glucozơ.

(c) Khi ngâm trong nước xà phòng có tính kiềm, vải lụa làm bằng tơ tằm sẽ nhanh hỏng.

(d) Khi rớt axit sunfuric đặc vào vải cotton (sợi bông) thì chỗ vải đó sẽ bị đen rồi thủng.

(đ) Dầu mỡ động thực vật bị ôi thiu do liên kết C=C của chất béo bị oxi hóa.

Số phát biểu đúng là

**A**.4. **B**.2. **C**.5. **D**.3.

**Câu 79:** Hỗn hợp E gồm các triglixerit và axit béo. Hiđro hóa hoàn toàn 96,44 gam E (xúc tác Ni, t°) thu được 97,52 gam hỗn hợp F gồm tristearin và axit stearic. Xà phòng hóa hoàn toàn 96,44 gam E bằng dung dịch NaOH (lấy vừa đủ) đun nóng, sau phản ứng thu được 99,9 gam muối. Số mol axit béo trong 96,44 gam E là

**A**.0,04 mol. **B**.0,01 mol. **C**.0,03 mol. **D**.0,02 mol.

**Câu 80:** Tiến hành thí nghiệm sau:

Bước 1: Rót 3 ml dung dịch saccarozơ 1% vào ống nghiệm và rót tiếp vào đó 1 ml dung dịch H2SO4 10%. Đun nóng ống nghiệm khoảng 5-10 phút sau đó để nguội.

Bước 2: Cho từ từ dung dịch NaOH 10% vào hỗn hợp cho đến khi quỳ tím chuyển sang màu xanh.

Bước 3: Thêm khoảng 1 ml dung dịch CuSO4 5% vào ống nghiệm.

Cho các phát biểu sau:

(a) Tại bước 1, xảy ra phản ứng thủy phân saccarozơ.

(b) Sau bước 3, dung dịch thu được có màu xanh lam.

(c) Ở bước 2, NaOH vừa trung hòa axit vừa tạo môi trường kiềm.

(d) Ở bước 3, nếu thay CuSO4 bằng CuCl2 cho kết quả tương tự.

Số phát biểu đúng là

**A**.1. **B**.4. **C**.3. **D**.2.

**ĐÁP ÁN VÀ GIẢI CHI TIẾT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 41D | 42A | 43C | 44C | 45B | 46A | 47B | 48A | 49C | 50C |
| 51A | **52B** | **53A** | **54A** | **55B** | **56C** | **57A** | **58B** | **59C** | **60C** |
| 61C | **62A** | **63D** | **64B** | **65D** | **66B** | **67C** | **68A** | **69A** | **70A** |
| 71C | **72B** | **73C** | **74B** | **75C** | **76C** | **77C** | **78C** | **79C** | **80B** |

**Câu 57:**

Glu còn dư 1 nhóm COOH và đầu C (Val) có 1 nhóm COOH **→** Tetrapeptit Ala-Glu-Gly-Val có 2 nhóm COOH.

**Câu 59:**

X là xenlulozơ.

**Câu 61:**

n(C6H10O5) = 2/162

[C6H7O2(OH)3]n + 3nHNO3 **→** [C6H7O2(ONO2)3]n + 3nH2O

**→** m[C6H7O2(ONO2)3]n = 2.297.60%/162 = 2,2 tấn

**Câu 62:**

Có 2 chất trong dãy thủy phân được trong dung dịch NaOH là etyl axetat và Gly-Ala.

**Câu 63:**

C6H12O6 → 2C2H5OH → 2CH3COOH → (CH3COO)2C2H4

mX = 90%.80%.80%.1000.146/180 = 467,2 gam

**Câu 64:**

Fe + CuSO4 **→** FeSO4 + Cu

x…………………………x

**→** 112 – 56x + 64x = 113,28 **→** x = 0,16

**→** mCu = 64x = 10,24 gam

**Câu 65:**

(1) CH3COONH3CH3 + NaOH **→** CH3COONa + CH3NH2 + H2O

**(2)** H2NCH2CONHCH2COOH + 2NaOH **→** 2H2NCH2COOH + H2O

**(3)** ClH3NCH2COOCH3 + 2NaOH **→** NaCl + H2NCH2COONa + CH3OH + H2O

**(4)** (CH3NH3)2SO4 + 2NaOH **→** Na2SO4 + 2CH3NH2 + 2H2O

**Câu 66:**

nHCl = 0,3, bảo toàn khối lượng:

m muối = 25,3 + 0,3.36,5 = 36,25 gam

**Câu 67:**

Các cấu tạo thỏa mãn của X:

CH2=CH-COO-CH2CH3

CH2=CH-CH2-COOCH3

CH3-CH=CH-COOCH3

CH2=C(CH3)-COOCH3

**Câu 68:**

Thủy phân Ala-Gly-Val-Ala-Gly có thể thu được tối đa 3 đipeptit mạch hở, gồm:

Ala-Gly; Gly-Val; Val-Ala

**Câu 69:**

Bảo toàn Na **→** nNaOH = nCH3COONa = 0,25

**→** VddNaOH = 250 mL

**Câu 70:**

Các polime tổng hợp trong dãy là: polietilen, cao su buna, nilon-6, poli(metyl metacrylat).

**Câu 71:**

Y gồm 2 kim loại là Ag và Cu **→** Muối không chứa AgNO3 và Fe(NO3)3.

**→** X gồm 3 muối là Al(NO3)3, Fe(NO3)2, Cu(NO3)2.

**Câu 72:**

(a) Không phản ứng

(b) Saccarozơ + H2O **→** Glucozơ + Fructozơ

(c) Glucozơ có phản ứng tráng gương.

(d) C6H12O6 **→** C + H2O

C + H2SO4 **→** CO2 + SO2 + H2O

**Câu 74:**

Trieste X mạch hở có số nguyên tử cacbon nhiều hơn số nguyên tử oxi là 2 **→** X dạng C8HyO6

Số C tổng của gốc axit = 8 – 3 = 5 nên X tạo bởi cả 2 axit.

X tạo bởi hai axit cacboxylic đơn chức có cùng số nguyên tử H nên X có cấu tạo:

(HCOO)2(CH≡C-COO)C3H5

nX = 0,05 **→** nHCOONa = 0,1; nCH≡C-COONa = 0,05

**→** m muối = 11,4 gam

**Câu 75:**

Genaryl axetat có cấu tạo CH3COOCH2-CH=C(CH3)-CH2-CH2-CH=CH(CH3)2

A. Đúng, genaryl axetat + NaOH tạo muối CH3COONa và ancol HOCH2-CH=C(CH3)-CH2-CH2-CH=CH(CH3)2

B. Đúng, genaryl axetat có 2C=C nên cộng hợp Br2 trong CCl4 theo tỉ lệ mol 1 : 2.

C. Sai, liên kết C=C của genaryl gần chức este nhất có cấu trúc dạng trans.

D. Đúng

**Câu 76:**

C : H : N : O = 40,816%/12 : 6,122%/1 : 9,524%/14 : 43,538%/16

= 3,401 : 6,122 : 0,680 : 2,721

= 5 : 9 : 1 : 4

X là C5H9NO4, dạng H2NC3H5(COOH)2

Y là ROH **→** Z dạng ClH3NC3H5(COOR)2

MZ = 2R + 181,5 = 16.4/23,925% **→** R = 43

**→** Y là C3H7OH.

**Câu 77:**

Z hòa tan Cu(OH)2 nên X có cấu tạo (HCOO)2C2H4

Y là HCOONa, T là HCOOH, Z là C2H4(OH)2; E là (C2H5O2)2Cu

A. Đúng, HCOONa hay NaO-CHO có phản ứng tráng bạc.

B. Đúng, T có cùng phân tử khối 46 nhưng có liên kết H liên phân tử mạnh hơn C2H5OH nên nhiệt độ sôi của T cao hơn etanol.

C. Sai, X không có nhóm CH3.

D. Đúng

**Câu 78:**

(a) Đúng

(b) Đúng: C6H12O6 **→** 2C2H5OH + 2CO2

(c) Đúng, tơ tằm thuộc loại poliamit, có CONH nên kém bền trong kiềm.

(d) Đúng, H2SO4 đặc háo nước mạnh làm xenlulozơ hóa than:

(C6H10O5)n **→** 6nC + 5nH2O

(e) Đúng.

**Câu 79:**

E gồm các triglixerit (tổng x mol) và axit béo (tổng y mol)

**→** F gồm tristearin (x mol) và axit stearic (y mol)

mF = 890x + 284y = 97,52

mH2 phản ứng = mF – mE = 1,08, nếu cho F phản ứng với NaOH thì thu được:

nC17H35COONa = 3x + y = (99,9 + 1,08)/306

**→** x = 0,1; **y = 0,03**

**Câu 80:**

(a) Đúng: C12H22O11 + H2O **→** Glucozơ + Fructozơ

(b) Đúng, các sản phẩm glucozơ, fructozơ đều tạo phức xanh lam với Cu(OH)2.

(c) Đúng, NaOH trung hòa axit và tạo môi trường kiềm để kết hợp CuSO4 thành Cu(OH)2 cho phản ứng tạo phức.

(d) Đúng, CuSO4 hay CuCl2 đều cung cấp Cu2+ cho phản ứng tạo Cu(OH)2 nên kết quả như nhau.